

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 4 - 2022

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thế Chiến;
2. Ông Vũ Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 193/2021/TLST- HNGĐ ngày 08/11/2021 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Anh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trịnh Thị T1, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 15/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Anh T trình bày:** Tôi và chị Trịnh Thị T1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2007 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ giữa năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với chị Trịnh Thị T1, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, đời sống chung không thể tiếp tục nên tôi đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Trịnh Thị T1.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung là Phạm Trịnh Bảo C, sinh này 18/01/2008 và Phạm Trịnh Bảo M, sinh ngày 14/01/2010, từ khi hai vợ chồng ly thân cho đến nay tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chăm lo cho các con; tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các cháu cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Trịnh Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có tình không tham gia tố tụng.*

Bị đơn vắng mặt nên không tiến hành tranh luận được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn anh Phạm Anh T, bị đơn chị Trịnh Thị T1 là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, cho anh Phạm Anh T được ly hôn với chị Trịnh Thị T1.

Về con chung: Xét điều kiện, hoàn cảnh hiện nay anh Phạm Anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Trịnh Bảo C, sinh này 18/01/2008 và cháu Phạm Trịnh Bảo M, sinh ngày 14/01/2010 nên cần giao hai cháu cho anh Phạm Anh T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Anh T không yêu cầu chị Trịnh Thị T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có nợ ai nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Phạm Anh T khởi kiện xin ly hôn với chị Trịnh Thị T1. Đây là quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”. Bị đơn chị Trịnh Thị T1 cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trịnh Thị T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của chị Trịnh Thị T1 là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Anh T và chị Trịnh Thị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2007 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn anh Phạm Anh T và chị Trịnh Thị T1 chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng anh Phạm Anh T, chị Trịnh Thị T1 có mâu thuẫn, nguyên nhân là thường xuyên cãi vã nhau, anh chị đã ly thân.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phạm Anh T và chị Trịnh Thị T1 đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Anh T là phù hợp.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Phạm Anh T và chị Trịnh Thị T1 có 02 con chung là Phạm Trịnh Bảo C, sinh ngày 18/01/2008 và Phạm Trịnh Bảo M, sinh ngày 14/01/2010.

Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C và M, từ khi anh Phạm Anh T và chị Trịnh Thị T1 sống ly thân năm 2019 đến nay các cháu ở cùng anh T cho nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Anh T, giao cho anh Phạm Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Trịnh Bảo C và Phạm Trịnh Bảo M cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn anh Phạm Anh T không yêu cầu bị đơn chị Trịnh Thị T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[7]. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí: Anh Phạm Anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Anh T, anh Phạm Anh T được ly hôn chị Trịnh Thị T1.

- Về con chung:

Giao cho anh Phạm Anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Trịnh Bảo C, sinh ngày 18/01/2008 và Phạm Trịnh Bảo M, sinh ngày 14/01/2010 cho đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn anh Phạm Anh T không yêu cầu bị đơn chị Trịnh Thị T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về án phí: Anh Phạm Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Bùi Văn N đã nộp thay cho anh Phạm Anh T tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana theo biên lai thu tiền số: 60AA/2021/0007014 ngày 29 tháng 10 năm 2021.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành